

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~3834~~ /UBND-TTTN

Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 8 năm 2013

V/v thực hiện chế độ báo cáo công tác
phòng, chống tham nhũng

Kính gửi:

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 708
	Ngày: 05/8
	Chuyên:

Chủ tịch UBND thành phố Huế, thị xã và các huyện;
Giám đốc các Sở;
Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
Thủ trưởng các cơ quan: Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân
tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh.

Thực hiện Thông tư số 03/2013/TT-TTCT, ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng (PCTN), UBND tỉnh yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Hương Thủy, Hương Trà, thành phố Huế; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Toà án nhân dân tỉnh thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về công tác PCTN ở địa phương, đơn vị mình như sau:

I. CÁC LOẠI BÁO CÁO CÔNG TÁC PCTN

1. Báo cáo định kỳ

1.1. Các loại báo cáo, thời kỳ lấy số liệu, thời hạn gửi báo cáo

- Báo cáo hàng quý:

Báo cáo PCTN quý I trong thời kỳ từ ngày 11 của tháng 12 năm trước đến ngày 10 tháng 3 của năm báo cáo; gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 3 của năm báo cáo.

Báo cáo PCTN quý II, quý III, quý IV trong thời kỳ từ ngày 11 của tháng cuối quý trước đến ngày 10 của tháng cuối quý của năm báo cáo; gửi báo cáo trước ngày 15 của tháng cuối quý của năm báo cáo.

- Báo cáo 6 tháng:

Báo cáo công tác PCTN trong thời kỳ từ ngày 11 của tháng 12 năm trước đến ngày 10 tháng 6 của năm báo cáo; gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 6 của năm báo cáo.

- Báo cáo 9 tháng:

Báo cáo công tác PCTN trong thời kỳ từ ngày 11 của tháng 12 năm trước đến ngày 10 tháng 9 của năm báo cáo; gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 9 của năm báo cáo.

- Báo cáo năm:

Báo cáo công tác PCTN trong thời kỳ từ ngày 11 tháng 12 năm trước đến ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo; gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

- Báo cáo công tác PCTN phục vụ các kỳ họp Quốc hội, phục vụ các kỳ họp HĐND tỉnh:

Căn cứ yêu cầu của Quốc hội, Thanh tra Chính phủ và Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể cho các địa phương, đơn vị.

1.2. Nội dung báo cáo định kỳ

- UBND các huyện, thị xã Hương Thủy, Hương Trà, thành phố Huế; các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng hàng quý (quý I, II, III và IV), 6 tháng, 9 tháng, năm theo **Đề cương hướng dẫn và Biểu mẫu thống kê số 01 ban hành kèm theo Công văn này.**

- Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh thống kê số liệu về phát hiện và xử lý các vụ việc tham nhũng hàng quý (quý I, II, III và IV), 6 tháng, 9 tháng, năm theo **Biểu mẫu thống kê số 02 ban hành kèm theo Công văn này.**

(Đề cương báo cáo và các biểu mẫu thống kê gửi kèm theo)

2. Báo cáo chuyên đề, báo cáo khác

- Báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất: theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, UBND tỉnh sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể để các địa phương, đơn vị thực hiện.

Trong trường hợp phát sinh vụ việc mới, bất thường, có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, các địa phương, đơn vị có trách nhiệm báo cáo kịp thời lên UBND tỉnh và Thanh tra tỉnh để chỉ đạo, phối hợp xử lý.

3. Cơ quan tham mưu chuẩn bị báo cáo định kỳ về công tác PCTN

- Thanh tra các huyện, thị xã, thành phố, Thanh tra các Sở, ngành là đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp chuẩn bị báo cáo định kỳ về công tác PCTN. Các cơ quan không có tổ chức Thanh tra nhà nước thì chủ động phân công cơ quan, đơn vị trực thuộc tham mưu chuẩn bị báo cáo.

- Giao Thanh tra tỉnh làm đầu mối chủ trì, giúp Chủ tịch UBND tỉnh chuẩn bị các báo cáo định kỳ về công tác PCTN theo quy định (*báo cáo trước ngày 20 của kỳ báo cáo đối với các báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm*).

UBND tỉnh uỷ quyền Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện các báo cáo hàng quý và dự thảo các báo cáo 6 tháng, 9 tháng, năm theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ trình UBND tỉnh báo cáo Thanh tra Chính phủ.

II. HÌNH THỨC GỬI BÁO CÁO, NƠI NHẬN BÁO CÁO

1. Hình thức gửi báo cáo

- Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng phải thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, đóng dấu theo quy định và file điện tử gửi kèm.

Trường hợp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan thanh tra ký báo cáo thì phải ký thừa ủy quyền của Thủ trưởng cơ quan quản lý cùng cấp, đóng dấu cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

Các báo cáo mật thì gửi theo quy định đối với tài liệu mật.

- Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng được gửi tới nơi nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

- + Gửi bằng đường bưu điện;
- + Gửi trực tiếp.

2. Nơi nhận báo cáo

Báo cáo gửi về Thanh tra tỉnh (để giúp UBND tỉnh tổng hợp) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo và xét thấy cần báo cáo.

Địa chỉ nhận báo cáo của Thanh tra tỉnh như sau:

- Thanh tra tỉnh, số 37 đường Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Để bảo đảm báo cáo được gửi đúng thời gian quy định và để có số liệu tổng hợp kịp thời, ngay sau khi ký phát hành, đề nghị các đơn vị gửi trước file báo cáo qua thư điện tử hoặc gửi qua fax về Thanh tra tỉnh theo địa chỉ sau:

- + Fax: 054.3810976;
- + Hộp thư điện tử: thanhtratinh@thuathienhue.gov.vn

Sau đó gửi bản gốc của báo cáo về Thanh tra tỉnh để theo dõi, quản lý.

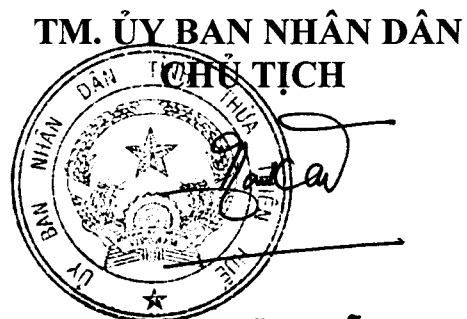
* **Lưu ý:** Việc chấp hành chế độ báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng được đưa vào bộ tiêu chí xét thi đua khen thưởng hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị.

Công văn này thay thế cho các văn bản trước đây của UBND tỉnh về chế độ báo cáo công tác PCTN.

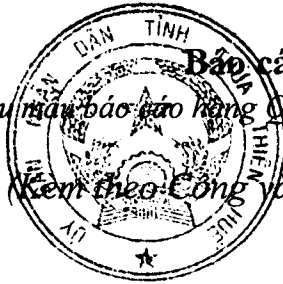
UBND tỉnh yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Hương Thủy, Hương Trà, thành phố Huế, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh thực hiện nghiêm túc hướng dẫn nêu trên kể từ ngày 15/8/2013./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- CVP, các PCVP UBND;
- Phòng HCTC;
- Lưu: VT, TTTN.



Nguyễn Văn Cao



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng

(Biểu mẫu báo cáo hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm dành cho các huyện, thị xã, thành phố;
các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh)

**Kèm theo Công văn số 3834/UBND-TTTN ngày 03 tháng 8 năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh)**

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của đơn vị

a) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng;

c) Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách).

d) Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

c) Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng;

d) Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức;

đ) Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng;

e) Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập;

f) Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;

g) Việc thực hiện cải cách hành chính;

h) Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

i) Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản;

k) Các nội dung khác đã thực hiện nhằm phòng ngừa tham nhũng (nếu có).

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của đơn vị;

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra;

c) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo;

d) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của đơn vị;

đ) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm;

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra;

- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra;

- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

5. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

b) Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

c) Các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng (nếu có).

6. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

a) Công tác chỉ đạo, triển khai, cụ thể hóa, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong chiến lược quốc gia và kế hoạch thực thi Công ước.

c) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể mà bộ, ngành, địa phương đã đề ra trong kế hoạch của mình nhằm thực thi Chiến lược, Công ước.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương và nguyên nhân.

b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương.

b) So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

c) Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng;

d) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại Bộ, ngành, địa phương trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*).

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng đã đề ra.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, khắc phục những khó khăn, vướng mắc;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.

b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương.

b) So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

c) Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng;

d) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại Bộ, ngành, địa phương trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*).

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng đã đề ra.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, khắc phục những khó khăn, vướng mắc;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG



(Số liệu tính từ ngày.../.../... đến...ngày.../.../...)
 (Biểu mẫu thống kê hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm dành cho các huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh)

(Kèm theo Công văn số **3834**UBND-TTTN ngày **03** tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC PCTN

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	

15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG		
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	Qua hoạt động thanh tra		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	

34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG			
37	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
38	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng			
39	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	
40	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		

II. DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỶ

TT	TÊN VỤ	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ XẢY RA VỤ VIỆC	CƠ QUAN ĐANG THỤ LÝ HỒ SƠ VỤ VIỆC	TÓM TẮT VỀ HÀNH VI, ĐỐI TƯỢNG THAM NHŨNG, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI VÀ TIẾN ĐỘ XỬ LÝ
1				
2				

....ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.
- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn.
- Lưu ý khi báo cáo không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu.



Biểu số 02

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG

(Số liệu tính từ ngày.../.../... đến...ngày.../.../...)

(Biên mẫu báo cáo hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm dành riêng cho các đơn vị: Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh)

(Kèm theo Công văn số **3834**/UBND-TTTN ngày **03** tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. KẾT QUẢ PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG		
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>		
1	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
2	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>		
3	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
4	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
5	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
6	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
7	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
8	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
9	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
10	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG		
11	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm của toà án cấp huyện + tỉnh);	Vụ	
12	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm của toà án cấp huyện + tỉnh);	Người	
13	Trong đó:		
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	
14	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	
15	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	
16	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
17	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
18	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	

19	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
20	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
21	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
22	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
23	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
24	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
25	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
26	+ Đất đai	m ²	
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
27	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	
28	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		

II. DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỶ

TT	TÊN VỤ	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ XẢY RA VỤ VIỆC	CƠ QUAN ĐANG THỤ LÝ HỒ SƠ VỤ VIỆC	TÓM TẮT VỀ HÀNH VI, ĐỐI TƯỢNG THAM NHŨNG, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI VÀ TIẾN ĐỘ XỬ LÝ
1				
2				

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)